



bái rén

白人

noun · white person; Caucasian

Example Sentences

Zhè gè shè qū lǐ zhù zhe hěn duō bái rén jiā tíng.
这个社区里住着很多白人家庭。

Many white families live in this community.

Bái rén wén huà zài lì shǐ shàng duì shì jiè yǐng xiǎng hěn dà.
白人文化在历史上对世界影响很大。

White culture has had a great influence on the world historically.

Trace each character, then write the word on your own.

白	白	白	白	白	白	白	白												
人	人	人	人	人															